

Số: 16 /BC-MNPT

Mường Chà, ngày 15 tháng 01 năm 2026

BÁO CÁO

Về việc thực hiện công khai theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT

Kính gửi: Sở Giáo dục và Đào tạo

Thực hiện Quyết định số 23/QĐ - SGDDT ngày 10/01/2026 của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Điện Biên về việc kiểm tra việc thực hiện công khai của các cơ sở giáo dục theo quy định tại Thông tư 09/2024/TT-BGDĐT;

Trường Mầm non Pa Tàn báo cáo kiểm tra việc thực hiện công khai của các cơ sở giáo dục theo quy định tại Thông tư 09/2024/TT-BGDĐT như sau:

1. Việc ban hành và tổ chức thực hiện quy định về công khai

Nhà trường ban hành và tổ chức thực hiện quy định về công khai theo đúng quy định Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT: Có kế hoạch công khai hằng năm; Có quy chế công khai; Quyết phân công nhiệm vụ cho cá nhân và phụ trách bộ phận và kiện toàn ban chỉ đạo hằng năm.

Thực hiện kiểm tra, giám sát theo kế hoạch kiểm tra nội bộ của nhà trường: Có nội dung quyết định kiểm tra, kế hoạch, biên bản, báo cáo thực hiện công khai.

2. Nội dung công khai thông tin chung theo Thông tư 09/2024/TT-BGDĐT

a) Công khai thông tin về cơ sở giáo dục

Tên cơ sở giáo dục: Trường Mầm non Pa Tàn, xã Mường Chà, tỉnh Điện Biên

Loại hình cơ sở giáo dục: Trường mầm non công lập

Cơ quan quản lý trực tiếp: UBND xã Mường Chà, tỉnh Điện Biên

Địa chỉ trụ sở chính: Bản Pa Tàn - xã Mường Chà, tỉnh Điện Biên.

Số điện thoại: 0911780990

Địa chỉ thư điện tử: tmnpatan@gmail.com

Trang thông tin điện tử Website: <https://mnpatan.nampo.edu.vn/>

Quyết định thành lập trường Trường Mầm non Pa Tàn được thành lập từ 22/2/2017 theo Quyết định số: 663/QĐ-UBND ngày 22 tháng 2 năm 2017 của UBND huyện Nậm Pồ, đến ngày 01/09/2020 trường mới chính thức đi vào hoạt động.

- Sứ mạng, mục tiêu, nhiệm vụ, định hướng phát triển

*** Sứ mạng:**

Trường Mầm non Pa Tần mang sứ mệnh nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ em vùng đặc biệt khó khăn, xây dựng một môi trường an toàn, yêu thương, hạnh phúc và bình đẳng, nơi mỗi trẻ được khơi dậy tiềm năng, phát triển toàn diện, tự tin bước vào tương lai và có nền tảng vững chắc để hội nhập cùng sự phát triển của đất nước và thế giới.

Nhà trường cam kết lấy trẻ làm trung tâm, bảo đảm cho trẻ được phát triển toàn diện về thể chất, tình cảm, trí tuệ, ngôn ngữ, thẩm mỹ và kỹ năng sống cơ bản, sẵn sàng bước vào lớp 1. Đồng thời, chú trọng xây dựng đội ngũ giáo viên yêu nghề, vững chuyên môn, sáng tạo, ứng dụng hiệu quả CNTT và chuyển đổi số, gắn giáo dục với thực tiễn đời sống.

Khẳng định vai trò của nhà trường trong việc giữ vững và nâng cao chất lượng phổ cập GDMN cho trẻ 5 tuổi, đạt phổ cập bền vững cho trẻ mẫu giáo, phát triển nguồn nhân lực tại địa phương, góp phần vào sự nghiệp xây dựng quê hương biên giới giàu đẹp, vững mạnh.

Sứ mệnh

Xây dựng một môi trường giáo dục bền vững, an toàn, thân thiện, tận tâm, công bằng, dân chủ, nền nếp, kỷ cương, uy tín, chất lượng. Phát triển theo phương châm trẻ làm trung tâm trong quá trình nuôi dạy để trẻ được tự do, khám phá, trải nghiệm và có nhiều cơ hội phát triển năng lực, phẩm chất, khả năng sáng tạo của trẻ gắn với phong trào thi đua xây dựng "Trường học thân thiện, học sinh tích cực". "Trẻ em hôm nay - Thế giới ngày mai"; "Tất cả vì học sinh thân yêu"

Tầm nhìn

Trong giai đoạn 2020-2025 tiến đến năm 2030 duy trì ổn định về quy mô, chất lượng giáo dục; cải thiện môi trường giáo dục, nâng cao hiệu quả giáo dục. duy trì trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 1 và kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 2. Để giáo viên và trẻ luôn có cơ hội phát triển tư duy sáng tạo. Trở thành trường mầm non lồng ghép hiệu quả các chuyên đề, xây dựng môi trường giáo dục phương pháp STERM phù hợp.

Luôn là nơi mà mọi phụ huynh mong muốn gửi gắm con em mình để các bé có cơ hội phát triển một cách toàn diện thể chất, nhận thức, ngôn ngữ, tình cảm – kỹ năng xã hội, thẩm mỹ, mối quan hệ xã hội và khả năng giao tiếp trong những năm tháng quan trọng đầu tiên của cuộc đời.

Giá trị cốt lõi

- Nhà trường – chất lượng – hiệu quả - hội nhập - CBQL, GV, NV: Tinh thần đoàn kết - hợp tác; Khát vọng vươn lên – chăm chỉ; Trách nhiệm - trung thực; Yêu nghề - sáng tạo; Lòng tự trọng; Yêu nước - nhân ái.

- Học sinh: Trẻ phát huy tính tự lập và tự học; trẻ độc lập trong tính cách, tự chủ trong tư duy và tự tin thể hiện cá tính và năng lực của bản thân; trẻ có tình

yêu thương đối với mọi người; hình thành tính tự kỷ luật cho bản thân; biết tôn trọng bản thân, môi trường và những người xung quanh; có tinh thần hợp tác nhóm.

*** Mục tiêu:**

Giúp trẻ em phát triển về thể chất, tình cảm, trí tuệ, thẩm mỹ; hình thành những yếu tố đầu tiên của nhân cách, chuẩn bị cho trẻ em vào lớp Một; hình thành và phát triển ở trẻ em những chức năng tâm sinh lý, năng lực và phẩm chất mang tính nền tảng, những kỹ năng sống cần thiết phù hợp ...

b) Công khai điều kiện bảo đảm chất lượng giáo dục

- *Đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên (số lượng, trình độ đào tạo).*

ST T	Nội dung	Trình độ đào tạo				Hạng chức danh nghề nghiệp		
		ĐH	CD	TC	Dưới TC	Hạng IV	Hạng III	Hạng II
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên			3	1			
I	Giáo viên	17	6				23	
1	Nhà trẻ	5	2			0	7	0
2	Mẫu giáo	12	4	0	0	1	15	0
II	Cán bộ quản lý	2					2	
1	Hiệu trưởng	1					1	
2	Phó Hiệu trưởng	1					1	
III	Nhân viên		3	3	1			
	Nhân viên văn thư							
	Nhân viên Kế toán		1					
	Thủ quỹ			1				
	Nhân viên y tế			1				
	Nhân viên nấu ăn		1		1			
	Nhân viên thư viện		1					
	Nhân viên phục vụ							
	Nhân viên bảo vệ			1				

- Số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý đạt chuẩn nghề nghiệp;

Đối tượng đánh	Chưa đạt		Đạt		Khá		Tốt	
	Số lượng	Tỷ Lệ	Số lượng	Tỷ Lệ	Số lượng	Tỷ Lệ	Số lượng	Tỷ Lệ
Hiệu trưởng							1	100
Phó Hiệu trưởng							1	100

Đối tượng đánh	Chưa đạt		Đạt		Khá		Tốt	
	Số lượng	Tỷ Lệ	Số lượng	Tỷ Lệ	Số lượng	Tỷ Lệ	Số lượng	Tỷ Lệ
Tổng số giáo viên	20		12	60%	1	5%	7	35%

100% cán bộ quản lý, giáo viên đạt chuẩn trình độ đào tạo theo quy định.

Hoàn thành khoá bồi dưỡng trong năm học.

- *Cơ sở vật chất, thiết bị dạy học, phòng học, phòng chức năng.*

Nhà trường có tổng diện tích đất là 19.848 m², diện tích sử dụng 14.803 m²/332 trẻ, bình quân mỗi trẻ 2,2 m² đảm bảo theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN về yêu cầu thiết kế trường mầm non.

Trường có 18 phòng học, trong đó 07 phòng dành cho nhóm Nhà trẻ (07 nhóm 24-36 tháng) và 11 phòng dành cho lớp Mẫu giáo (02 lớp đơn 3-4 tuổi, 02 lớp ghép 4-5 tuổi và 07 lớp ghép 3-4-5 tuổi).

Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 23/2024/TT-BGDĐT ngày 16 tháng 12 năm 2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định tiêu chuẩn cơ sở vật chất các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học ban hành kèm theo Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 5 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo gồm: 01 phòng hiệu trưởng, 01 phòng phó hiệu trưởng, 01 phòng hành chính quản trị, 01 phòng y tế, 01 phòng bảo vệ, 03 phòng nghỉ dành cho nhân viên, 01 khu để xe, 02 khu vệ sinh cho cán bộ, giáo viên, nhân viên.

Khối phòng hành chính được trang bị đầy đủ thiết bị đảm bảo yêu cầu từng vị trí công việc như: máy vi tính, máy in, bảng biểu, bàn ghế, tủ để tài liệu, máy photocopy; phòng y tế được trang bị giường y tế, tủ thuốc y tế, cân đo sức khỏe, đèn pin phù hợp theo quy định.

Tại trường có 01 khu để xe dành riêng cho cán bộ, giáo viên, nhân viên, đặt tại điểm trường chính, được bố trí hợp lý, có mái che, cửa đóng chắc chắn, ngăn cách nhà xe với sân chơi của trẻ, thuận tiện cho đội ngũ để xe và đảm bảo an toàn cho trẻ khi ra sân hoạt động ngoài trời.

Phòng sinh hoạt chung được kết hợp sử dụng làm phòng ngủ cho trẻ, không gian yên tĩnh, thoáng mát, có đủ các đồ dùng nệm, gối, mùng phục vụ trẻ ngủ.

Nhà trường sử dụng nhà văn hoá xã Pa Tần cũ với diện tích 120 m² làm phòng đa chức năng với đầy đủ trang thiết bị, dụng cụ phục vụ tốt cho hoạt động chăm sóc và giáo dục trẻ.

Bếp ăn của nhà trường có diện tích 24 m². Nhà bếp được thiết kế, tổ chức theo dây chuyền hoạt động một chiều, có các khu vực như: khu tiếp phẩm, khu sơ chế, khu chế biến, khu nấu ăn, khu chia thức ăn và đủ các bảng biểu theo quy định, khu rửa chén nằm ngoài khu vực nhà bếp. Bếp ăn được trang bị đầy đủ đồ dùng bằng inox và nhựa melamine cao cấp để phục vụ cho trẻ ăn bán trú tại trường, đủ dụng cụ chế biến thực phẩm vệ sinh, an toàn thực phẩm; có 01 kho thực phẩm với diện tích 20 m² được bố trí trong khu vực nhà bếp thuận tiện cho nhân viên khi sử dụng và đảm bảo các quy định về vệ sinh an toàn thực phẩm.

+ *Thiết bị dạy học, đồ dùng, đồ chơi*

Nhà trường có các thiết bị đồ dùng đồ chơi theo quy định theo Thông tư 02/2010/TT-BGDĐT ngày 11/02/2010; Thông tư 34/2013/TT-BGDĐT ngày 17/09/2013; Thông tư 32/2012/TT-BGDĐT ngày 14/9/2012 Ban hành danh mục thiết bị và đồ chơi ngoài trời cho giáo dục mầm non.

+ Nhà trẻ: 21 các loại đồ dùng; 90 thiết bị dạy học, đồ chơi, học liệu;

+ 3-4 tuổi (Bé): 20 các loại đồ dùng; 75 thiết bị dạy học, đồ chơi, học liệu;

+ 4-5 tuổi (Nhỡ): 20 các loại đồ dùng; 84 thiết bị dạy học, đồ chơi, học liệu;

+ 5-6 tuổi (Lớn): 20 các loại đồ dùng; 83 thiết bị dạy học, đồ chơi, học liệu;

Hiện nay nhà trường tiếp tục bổ sung thêm một số đồ chơi theo thông tư do đã cũ và hư hỏng.

c) Công khai tài chính

Nhà trường thực hiện công khai quyết toán kinh phí kèm theo Quyết định công bố, công khai thực hiện dự toán thu, chi ngân sách năm 2025 và 6 tháng đầu năm 2025 (có Quyết định công khai trên Website trường)

Căn cứ Quyết định số 26/QĐ-PGD&ĐT ngày 09/01/2025 của Phòng Giáo dục và đào tạo Nậm pồ về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2025 lần 1

Căn cứ Quyết định số 28/2025/Q Đ – PGDĐT ngày 10 tháng 01 năm 2025 của Phòng giáo dục đào tạo huyện Nậm Pồ về việc giao ngân sách nhà nước năm 2025 lần 2.

Căn cứ Quyết định số 348/2025/Q Đ – PGDĐT ngày 09 tháng 04 năm 2025 của Phòng giáo dục đào tạo huyện Nậm Pồ về việc điều chỉnh dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2025.

Căn cứ Quyết định số 564/2025/QĐ – PGDDĐT ngày 20 tháng 05 năm 2025 của Phòng giáo dục đào tạo huyện Nậm Pồ về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2025 lần 4.

Căn cứ Quyết định số 430/2025/QĐ-UBND ngày 31 tháng 10 năm 2025 của UBND xã Mường Chà về việc giao dự toán thu,chi ngân sách địa phương năm 2025.

Nay nhà trường thực hiện công khai quyết toán kinh phí chi tiết như sau:

Quý I: Kinh phí sự nghiệp giáo dục

+ Chi nhiệm vụ thường xuyên:

- Kinh phí năm trước chuyển sang: 2.798.798 đồng
- Kinh phí giao đầu năm: 6.618.189.000 đồng
- Kinh phí giao bổ sung trong kỳ: 289.434.000 đồng
- Kinh phí giảm trong kỳ: 0 đồng
- Tổng kinh phí được sử dụng trong kỳ: 6.910.421.798 đồng

+ Chi các nhiệm vụ không thường xuyên:

- Kinh phí năm trước chuyển sang: 0 đồng
- Kinh phí giao đầu năm: 769.789.500 đồng
- Kinh phí giao bổ sung trong kỳ: 0 đồng
- Kinh phí giảm trong kỳ: 0 đồng
- Tổng kinh phí được sử dụng trong kỳ: 769.789.500 đồng

Quý II: Kinh phí sự nghiệp giáo dục

+ Chi nhiệm vụ thường xuyên:

Kinh phí năm trước chuyển sang: 2.798.798 đồng

- Kinh phí giao đầu năm: 6.618.189.000 đồng
- Kinh phí giao bổ sung trong kỳ: 0 đồng
- Kinh phí giảm trong kỳ: 231.018.000 đồng
- Tổng kinh phí được sử dụng trong kỳ: 6.679.403.798 đồng

+ Chi các nhiệm vụ không thường xuyên:

- Kinh phí năm trước chuyển sang: 0 đồng
- Kinh phí giao đầu năm: 769.789.500 đồng
- Kinh phí giao bổ sung trong kỳ: 0 đồng
- Kinh phí giảm trong kỳ: 0 đồng
- Tổng kinh phí được sử dụng trong kỳ: 769.789.500 đồng

Quý III: Kinh phí sự nghiệp giáo dục (chính quyền 2 cấp)

+ Chi nhiệm vụ thường xuyên:

- Kinh phí năm trước chuyển sang: 0 đồng
- Kinh phí giao đầu năm: 0 đồng
- Kinh phí giao bổ sung trong kỳ: 1.505.000.000 đồng
- Kinh phí giảm trong kỳ: 0 đồng
- Tổng kinh phí được sử dụng trong kỳ: . 1. 505.000.000 đồng

+ Chi các nhiệm vụ không thường xuyên:

- Kinh phí năm trước chuyển sang: 0 đồng
- Kinh phí giao đầu năm: 0 đồng
- Kinh phí giao bổ sung trong kỳ: 0 đồng
- Kinh phí giảm trong kỳ: 0 đồng
- Tổng kinh phí được sử dụng trong kỳ: 0 đồng

Quý IV: Kinh phí sự nghiệp giáo dục (chính quyền 2 cấp)

+ Chi nhiệm vụ thường xuyên:

- Kinh phí năm trước chuyển sang: 0 đồng
- Kinh phí giao đầu năm: 0 đồng
- Kinh phí giao bổ sung trong kỳ: 1.517.000.000 đồng
- Kinh phí giảm trong kỳ: 0 đồng
- Tổng kinh phí được sử dụng trong kỳ: 3.022.000.000 đồng

+ Chi các nhiệm vụ không thường xuyên:

- Kinh phí năm trước chuyển sang: 0 đồng
- Kinh phí giao đầu năm: 0 đồng
- Kinh phí giao bổ sung trong kỳ: 1.027.000.000 đồng
- Kinh phí giảm trong kỳ: 0 đồng
- Tổng kinh phí được sử dụng trong kỳ: 1.027.000 đồng

Các khoản chi chế độ học sinh năm học 2024 - 2025 như sau:

Tiền chế độ ăn trưa 5 tháng 2025: Tổng số học sinh 218 với tổng số tiền 172.800.000 đồng.

Tiền hỗ trợ chi phí học tập 5 tháng đầu năm 2025: Cho 216 cháu với Tổng số tiền: 162.000.000 đồng. Thực hiện chi trả tiền mặt .

Học sinh được cấp bù học phí 5 tháng đầu năm 2025 là 231 cháu với tổng số tiền là: 23.962.500đ

Trẻ em hưởng chế độ khuyết tật từ tháng 1-5 năm 2025 là 01 trẻ với số tiền: 9.860.000đ

- Lớp ghép 5 tháng đầu năm 2025: 43.650.000 đồng

Thông báo các khoản dự toán chi chế độ năm học 2025 - 2026.

Tiền chế độ ăn trưa theo NĐ 105/2020 4 tháng cuối năm 2025: Tổng số học sinh 228 , tổng số tiền: 145.920.000 đồng

Ăn trưa theo NĐ 66/2025 4 tháng cuối năm 2025 : Tổng số học sinh 89, số tiền 128.160.000 đồng

Tiền hỗ trợ chi phí học tập 4 tháng cuối năm 2025: Tổng số học sinh 315, số tiền: 189.000.000 đồng

Học sinh miễn học phí: 331 học sinh: số tiền 33.100.000 đồng (4 tháng cuối năm 2025)

Học sinh khuyết tật: số tiền 7.988.000 đồng

Lớp ghép 4 tháng cuối năm 2025: số tiền 35.550.000 đồng

Thông báo các khoản dự toán chi chế độ năm học 2025 - 2026.

***Trẻ hưởng chế độ ăn từ thán 01-tháng 05 năm 2025**

Trẻ mẫu giáo được hỗ trợ ăn trưa theo nghị định 105 của CP:218 trẻ

+ Trẻ hưởng CPHT là: 216 trẻ

CBHP là: 231trẻ

Trẻ em khuyết tật 01 trẻ

***Trẻ hưởng chế độ ăn từ tháng 09-12 năm 2025 như sau:**

Trẻ mẫu giáo được hỗ trợ ăn trưa theo nghị định 105 của CP: 228 trẻ; đến tháng 11 tăng 1 trẻ là 229 trẻ

Trẻ nhà trẻ được hỗ trợ ăn trưa theo nghị định 66 của chính phủ là: 89 trẻ

Trẻ được hỗ trợ chi phí học tập: 315 trẻ

Trẻ em được miễn giảm học phí: 331 trẻ

Chế độ lớp ghép cho giáo viên 21/23 giáo viên; chế độ trẻ khuyết tật: 1 trẻ

***Trẻ hưởng chế độ ăn từ tháng 01-05 năm 2026 như sau:**

Trẻ được hưởng theo nghị định 105 của chính phủ: 92 trẻ

Trẻ được hưởng theo nghị định 277 của chính phủ: 150 trẻ (Trẻ 3-4 tuổi)

Trẻ được hưởng theo nghị định 66 của chính phủ:90 trẻ (học sinh nhà trẻ)

- Trẻ được hỗ trợ chi phí học tập: 332 trẻ

3. Nội dung công khai loại hình cơ sở giáo dục

- Trường có 18/18 nhóm lớp. Trong đó: 7 nhóm trẻ 25-36 tháng với 90 học sinh, 11 lớp mẫu giáo (9 lớp mẫu giáo ghép 2-3 độ tuổi) với 210 học sinh và 02 lớp MGB với 32 học sinh. Tăng so với năm học trước 65 trẻ so với năm học 2024-2025.

- Chương trình chăm sóc, giáo dục trẻ.

Nhà trường Thành lập Hội đồng biên soạn Chương trình giáo dục của nhà trường để xây dựng Chương trình giáo dục nhà trường trên cơ sở Thông tư 51/2020/TT-BGDĐT ngày 31/12/2020 của Bộ giáo dục và Đào tạo Chương trình GDMN do Bộ GD&ĐT ban hành; điều kiện thực tế của lớp, của trường và địa phương để lựa chọn mục tiêu, nội dung, hoạt động phù hợp với nhận thức của trẻ, đảm bảo mục tiêu phát triển của trẻ cuối độ tuổi

Triển khai và thực hiện nghiêm túc công tác chăm sóc, giáo dục trẻ theo đúng nội dung chương trình của Bộ Giáo dục, hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ năm học của ngành, tổ chức thực hiện chương trình đổi mới giáo dục mầm non theo sự chỉ đạo của cơ quan quản lý giáo dục các cấp, đẩy mạnh hoạt động các chuyên đề: “Tăng cường tiếng việt cho trẻ”; chương trình “Tôi yêu Việt Nam”; chuyên đề “xây dựng trường MN lấy trẻ làm trung tâm” theo giai đoạn. Trường đã chỉ đạo các nhóm, lớp đã căn cứ vào chương trình giáo dục nhà trường xây dựng kế hoạch năm học, chủ đề, tuần, ngày phù hợp với đặc điểm, tình hình thực tế của nhóm, lớp; khung thời gian năm học xây dựng phân phối chương trình 35 tuần thực học. Các loại kế hoạch lồng ghép các chuyên đề, phương pháp giáo dục steam trong giảng dạy. Kế hoạch ngày đảm bảo kiến thức, kỹ năng cần đạt cho từng độ tuổi. Các nhóm lớp đã vận dụng phương pháp dạy học steam hình thức tổ chức linh hoạt, sáng tạo phù hợp khả năng nhận thức của trẻ.

Học kỳ 1 năm học 2025 - 2026 có 18 nhóm lớp và 332 trẻ tập trung nâng cao chất lượng giáo dục trẻ theo chương trình giáo dục mầm non. Chất lượng công tác giáo dục: 100 % trẻ nhà trẻ theo dõi tròn tháng và được đánh giá theo giai đoạn theo quy định; trẻ đạt 90/90 trẻ; Có 100% trẻ mẫu giáo được đánh giá cuối chủ đề, có trên 93% trẻ đạt mục tiêu các lĩnh vực cuối độ tuổi. Riêng trẻ 5 tuổi các mục tiêu thuộc các lĩnh vực đạt trên 95% trở lên.

Thực hiện tốt Chương trình GDMN 100% trẻ được học 2 buổi/ngày, trẻ đi học chuyên cần 414/427, đạt 96,9%; 100% trẻ DTTS được tăng cường tiếng Việt vào các buổi chiều và lồng ghép các hoạt động CSGD trẻ trong ngày.

- Điều kiện bảo đảm an toàn, chăm sóc sức khỏe trẻ em.

Công tác nuôi dưỡng, chăm sóc và bảo vệ sức khỏe cho trẻ luôn được xác định là nhiệm vụ trọng tâm hàng đầu và đã hướng dẫn các lớp tổ chức thực hiện tốt, đảm bảo an toàn tuyệt đối về thể chất và tinh thần theo đúng Thông tư 13/2016/TTLT-BYT-BGDĐT và Thông tư số 45/2021/TT-BGDĐT ngày 31/12/2021 ban hành quy định về xây dựng trường học an toàn, phòng, chống tai nạn thương tích trong cơ sở giáo dục mầm non. Thực hiện chế độ dinh dưỡng, đảm bảo cho trẻ ăn đủ bữa trong ngày và an toàn; Chất lượng bữa ăn của trẻ cũng được quan tâm, đảm bảo đủ lượng, đủ chất, đáp ứng năng lượng trong ngày cho trẻ.

Tổ chức ăn bán trú tại trường: 18/18 lớp với 332/332 trẻ đạt 100% bằng nguồn kinh phí hỗ trợ của nhà nước.

100% trẻ được đảm bảo an toàn về thể chất và tinh thần, được tiêm chủng phòng bệnh đầy đủ theo đúng quy định của y tế. Chăm sóc sức khỏe tốt, phòng bệnh, phòng chống dịch, bệnh an toàn.

332/332 đạt 100% số trẻ được theo dõi sức khỏe bằng biểu đồ, khám sức khỏe định kì.

Trường đã đạt tiêu chuẩn “Trường học an toàn, phòng, chống tai nạn thương tích” trong đó 100% số nhóm trẻ đạt tiêu chuẩn an toàn do trường đề ra.

Tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng, thấp còi giảm so với đầu năm 0,4%. Không có trẻ bị thừa cân, béo phì.

4. Công khai Báo cáo thường niên

- Nhà trường lập Báo cáo thường niên theo đúng mẫu và nội dung quy định tại Phụ lục 1 Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 3/6/2024 Quy định về công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân

- Thời điểm công khai Báo cáo thường niên: Trước ngày 30 tháng 6 hàng năm.

Báo cáo thường niên để công khai cho các bên liên quan tổng quan về kết quả hoạt động của cơ sở giáo dục tính đến ngày 31 tháng 12 hằng năm theo định dạng file PDF với các nội dung tối thiểu theo quy định tại các phụ lục kèm theo Thông

- Hình thức công khai Báo cáo thường niên (trực tuyến và/hoặc niêm yết): Thực hiện công khai thêm trên cổng thông tin điện tử và bảng tin nhà trường.

5. Hình thức và thời hạn công khai thông tin

a) Hình thức công khai

- Nhà trường thực hiện công khai trên cổng/trang thông tin điện tử của cơ sở giáo dục: <https://mnnamtin.nampo.edu.vn/>

- Niêm yết công khai tại bảng tin của nhà trường theo quy định.

b) Thời hạn công khai

- Thông tin công khai trên trang thông tin điện tử được duy trì tối thiểu 05 năm.

- Thông tin niêm yết công khai tại trường bảo đảm tối thiểu 90 ngày.

c) Khả năng tiếp cận thông tin

- Thông tin dễ tìm, dễ đọc, dễ tải xuống.

- Nội dung công khai rõ ràng, không gây hiểu nhầm cho người học, phụ huynh và xã hội.

6. Việc thực hiện kiểm tra, giám sát nội bộ và tiếp nhận phản ánh

- Nhà trường đưa nội dung công khai vào kế hoạch kiểm tra nội bộ năm học. Tổ chức tự kiểm tra, giám sát theo đúng kế hoạch về công khai thông tin.

- Có đầy đủ hồ sơ tự kiểm tra theo quy định: Quyết định, biên bản, báo cáo, thông báo kết quả kiểm tra (trong hồ sơ kiểm tra nội bộ nhà trường)

- Cơ chế tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của tổ chức, cá nhân liên quan đến nội dung công khai.

Trên đây là báo cáo thực hiện công khai theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT của trường Pa Tàn./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HSCV (CBQL,GV,NV);
- Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG



Lù Thị Hưng